TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HS-ST
Ngày: 17-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.
- Bà Bùi Mỹ Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố C tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hữu Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN PHƯỚC T, sinh ngày 01-01-1991 tại C. Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc V (sống) và bà Tiêu Thị H (sống); có 01 người anh; tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Công ty Tài chính TNHH MTV H. Địa chỉ: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P, số 20 N, phường T, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty: Ông Nguyễn Việt C (có đơn xin vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trịnh Thanh H, sinh năm 1991. Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố C. (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Dương T1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện N tỉnh C. (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện N tỉnh C. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 23-10-2015 Nguyễn Phước T có rủ Huỳnh Đức N là bạn học chung đi đến cửa hàng N 3 địa chỉ tại đường 30/4 phường Hưng Lợi, quận N, thành phố C để xem điện thoại, tại đây gặp Trịnh Thanh H là bạn học chung hiện đang làm nhân viên tư vấn cho Công ty tài chính TNHH MTV H, được H tư vấn thì T lấy giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của Nguyễn Tuấn K đưa cho Huỳnh Đức N chỉ cho N nếu H hỏi thì nói là Nguyễn Tuấn K, sau đó T cung cấp thông tin cá nhân cho H, H nhập vào hệ thống thì có nhân viên của công ty sẽ gọi để thẩm định, T trả lời là Nguyễn Tuấn K vì trước đó T có ghi số điện thoại mà T đã chuẩn bị sẵn. Sau khi thẩm định xong, nhân viên thẩm định yêu cầu T chụp hình để lưu hồ sơ thì T kêu N chụp hình thay vì trước đó T đã có làm hồ sơ một lần nên sợ bị phát hiện và T là người trực tiếp viết và ký tên lên hợp đồng. Sau khi hồ sơ được duyệt H vào cửa hàng mượn 7.500.000đồng đưa cho T là số tiền trả trước để thực hiện hợp đồng, lúc này T nhận điện thoại đi động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 EDGE trả góp trị giá 17.490.000đồng nhờ H bán lại, một lúc sau H đưa cho T 8.000.000đồng, còn 7.500.000đồng T trả lại cho H. Đến chiều H gọi điện cho T yêu cầu đưa thêm sổ hộ khẩu vì hợp đồng vay trên 10.000.000đồng, lúc này T gặp Nguyễn Dương T1 là em của K nói là cần mượn sổ hộ khẩu để khảo sát khách hàng của công ty mà T đang làm nên T1 lấy sổ hộ khẩu đưa cho T. Số tiền vay 10.766.000đồng, số tiền trả góp hàng tháng là 1.202.000đồng, thời hạn vay là 15 tháng. Quá thời hạn 15 tháng thanh toán tiền lãi và gốc nhưng không thấy T đến thanh toán tiền nên Công ty tài chính TNHH MTV H làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận N.

Tại Cơ quan điều tra T thừa nhận do làm mất tiền đóng học phí cần tiền nên nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Nguyễn Tuấn K và viết, ký tên giả làm Nguyễn Tuấn K và nhờ Huỳnh Đức N chụp hình lưu hồ sơ thay để vay tiền mua hàng trả góp của Công ty tài chính TNHH MTV H để T lừa đảo chiếm đoạt số tiền

10.766.000đồng. T thừa nhận không có đưa tiền cho Trịnh Thanh H để đóng tiền hàng tháng cho Công ty tài chính TNHH MTV H.

Tang vật tạm giữ: Tiền Việt Nam 18.680.000đồng (do T nộp khắc phục cho Công ty tài chính TNHH MTV H); 02 cuốn tập học sinh có chữ ký ghi tên Nguyễn Tuấn K.

Tại Kết luận giám định số 36/KLGĐ-PC09 ngày 20-3-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố C kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Tuấn K trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký mang tên Nguyễn Tuấn K do Nguyễn Phước T ký thực nghiệm trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra. Chữ viết họ và tên Nguyễn Tuấn K trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ viết Nguyễn Phước T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 từ M5 do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 37/KLGĐ-PC09 ngày 22/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố C kết luận: Chữ viết họ và tên Nguyễn Tuấn K trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ viết của Nguyễn Tuấn K trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người viết ra.

Cơ quan điều tra đã làm việc với Trịnh Thanh H thừa nhận bản thân H không có bàn tính trước với T trong việc làm hồ sơ vay tiền. Việc thẩm định hồ sơ ban đầu cho vay H cũng không biết tên thật của Huỳnh Đức N có phải là Nguyễn Tuấn K hay không, H cũng không có hưởng lợi ích vật chất từ T, mục đích chỉ muốn giúp cho T được vay tiền và nghĩ T sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng thời hạn, vì vậy chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với H.

Đối với Huỳnh Đức N khai nhận việc N đứng chụp hình dùm cho T để thực hiện hợp đồng, lúc đầu N không đồng ý nhưng do T năn nỉ nên N đứng ra chụp hình giúp, N cũng không có hưởng lợi gì từ việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của T. Hiện tại thì Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận N chưa làm việc được với Huỳnh Đức N và đã có thông báo truy tìm, nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

Đối với Nguyễn Dương Thanh cho T mượn sổ hộ khẩu do T nói dối là để khảo sát khách hàng nên Thanh tin và lấy sổ cho mượn nên chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với Thanh.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Việt C đại diện theo ủy quyền của Công ty tài chính TNHH MTV H yêu cầu trả lại số tiền 10.766.000đồng tiền vay, tiền lãi và phạt chậm thanh toán là 7.914.000đồng, ngày 07-3-2019 T đã nộp bồi thường khắc phục cho Công ty tài chính TNHH MTV H 18.680.000đồng.

Cáo trạng số 108/CT-VKSNK ngày 11-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận N truy tố bị cáo Nguyễn Phước T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (viết tắt BLHS 2015).

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo theo tội danh và điều khoản như nội dung cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Việt C đại diện theo ủy quyền của Công ty tài chính TNHH MTV H yêu cầu trả lại số tiền số tiền 10.766.000đồng tiền vay, tiền lãi và phạt chậm thanh toán là 7.914.000đồng. Bị cáo đã nộp 18.680.000đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố và bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền tổng cộng là 18.680.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi,quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Ngày 23-10-2015, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại, cụ thể bị cáo đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Nguyễn Tuấn K, đóng giả làm Nguyễn Tuấn K để viết và ký giả chữ ký trên hợp đồng tín dụng và nhờ Huỳnh Đức N chụp hình thay để vay tiền mua hàng trả góp của Công ty tài chính TNHH MTV H nhằm lừa đảo chiếm đoạt số tiền 10.766.000đồng. Tại Kết luận giám định số 36/KLGĐ-PC09 ngày 20-3-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố C kết

luận chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Tuấn K trên hợp đồng tín dụng trả góp số 3550085704 là do bị cáo ký và viết ra, do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thời điểm phạm tội bản thân chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả nên thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, tình tiết này là căn cứ để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt dành cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Hành vi mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Bản thân bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được hành vi sử dụng giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Nguyễn Tuấn K, đóng giả làm Nguyễn Tuấn K để viết và ký giả chữ ký trên hợp đồng tín dụng nhằm mục đích lừa dối và chiếm đoạt số tiền 10.766.000đồng của Công ty tài chính TNHH MTV H là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của bị cáo nên cần có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, răn đe bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giáo dục, giám sát bị cáo là đủ. Từ nhận định này, thấy rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 là có căn cứ, việc đề nghị hình phạt trên cơ sở xem xét các căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp, thỏa đáng với toàn bộ diễn biến hành vi bị cáo thực hiện.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Việt C – đại diện ủy quyền của Công ty tài chính TNHH MTV H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và xác định không thay đổi hay bổ sung gì thêm lời khai trong quá trình điều tra. Xét thấy, trong quá trình điều tra ông Trần Việt C yêu cầu bị cáo trả lại số tiền số tiền 10.766.000đồng tiền vay, tiền lãi và phạt chậm thanh toán là 7.914.000đồng, tổng cộng là 18.680.000đồng và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền này nên ghi nhận. Bị cáo đã nộp 18.680.000đồng theo biên lai thu số 005394 ngày 11-6-2020, bị hại được nhận lại số tiền này khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Đối với Trịnh Thanh H, H không có bàn tính trước với bị cáo trong việc làm hồ sơ vay tiền, H không hưởng lợi từ việc làm hồ sơ cho bị cáo vay, do đó chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với H với vai trò đồng phạm.

[7] Đối với Nguyễn Dương T1, do bị cáo nói dối T1 là mượn sổ hộ khẩu để khảo sát khách hàng nên việc T1 cho bị cáo mượn sổ hộ khẩu chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với T1 với vai trò đồng phạm.

[8] Đối với Huỳnh Đức N đứng chụp hình dùm cho bị cáo để thực hiện hợp đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được với N do N đã bỏ địa phương nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% của số tiền phải bồi thường cho bị hại theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS 2015 tuyên bố bị cáo **Nguyễn Phước T** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 17-7-2020). Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện Đ, tỉnh C giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho Công ty tài chính TNHH MTV H số tiền 18.680.000đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 18.680.000đồng, Công ty tài chính TNHH MTV H được nhận số tiền 18.680.000đồng (Mười tám triệu sáu trăm tám chục nghìn đồng) theo biên lai thu số 005394 ngày 11-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố C khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 934.000đồng (Chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghãi vụ liên quan;*
- *VKSNDQNK;*
- *VKSNDTPCT;*
- *Công an QNK;*
- *Chi cục THADSQNK.*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Tuyết Phương